

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Bé.

2. Ông Phan Tấn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 846/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 604/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 567/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thuỳ Tr, sinh năm 1992, cư trú: tổ 01, ấp Sa Tô, xã KB, huyện AP, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1991; cư trú: ấp Tấn Lợi, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị Th Tr trình bày: Bà và ông Phạm Văn T1 do quen biết và tìm hiểu nhau, đi đến hôn nhân vào năm 2017, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện AP, tỉnh An Giang vào ngày 05/12/2017, thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn,

khác biệt về quan điểm sống. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

- Về quan hệ con chung: bà Tr xác định vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nhật V2, sinh ngày 04/5/2015, hiện con chung đang chung sống với bà Tr khi ly hôn bà Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Phạm Văn T1 cấp dưỡng nuôi con;

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết;

Bị đơn là ông Phạm Văn T1 đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng ông T1 vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị Th Tr khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Phạm Văn T1. Ông T1 có nơi cư trú trên địa bàn huyện CM, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà Phạm Thị Th Tr có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phạm Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Th Tr và ông Phạm Văn T1 là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn, khác biệt về quan điểm sống. Hội đồng xét xử thấy rằng: bà Tr xin ly hôn, do cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị Th Tr xác định vợ chồng có 01 con chung tên là tên Phạm Nhật V2, sinh ngày 04/5/2015, hiện con chung đang chung sống với bà Tr khi ly hôn bà Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Phạm Văn T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo biên bản ghi ý kiến đối với cháu Phạm Nhật V2, sinh ngày 04/5/2015, thì cháu trình bày khi ba mẹ không còn sống chung với nhau nữa nguyện vọng của cháu là muốn sống chung với mẹ là Phạm Thị Th Tr. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc

sống cho con chung, giúp cháu Phạm Nhật V2 phát triển tốt về thể chất, tinh thần, căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Nhật V2 cho bà Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Ghi nhận bà Tr trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Tr và ông T1 trong thời kỳ hôn nhân thì bà Tr và ông T1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với T1 cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th Tr.

1) Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị Th Tr được ly hôn với ông Phạm Văn T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 83, ngày 05/12/2017 do Ủy ban nhân dân xã KB, huyện AP, tỉnh An Giang cấp, không còn giá trị pháp lý.

2) Về quan hệ con chung:

- Bà Phạm Thị Th Tr được tiếp tục nuôi con chung tên là Phạm Nhật V2, sinh ngày 04/5/2015; ông Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phạm Thị Th Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phạm Văn T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4) *Về quan hệ nợ chung*: Ghi nhận bà Tr trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Tr và ông T1 trong thời kỳ hôn nhân thì bà Tr và ông T1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với T1 cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5) Về án phí: Bà Phạm Thị Th Tr phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012752 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Phạm Thị Th Tr đã nộp đủ;

Ông Phạm Văn T1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. CM;
- Chi cục THADS H. CM;
- UBND xã KB, huyện AP, tỉnh An Giang
- ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Thanh